TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST Ngày: 31 - 3 - 2026 V/v: ‘‘Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn’’	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lệnh Xuân Chính;

Bà; Lục Thị Cương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực - Tuyên Quang, tham gia phiên tòa*: Ông Hà Quốc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp người nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phàn Thị Q**; sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh: **Triệu Quý Đ**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn l, xã Q, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phàn Thị Q trình bày: Chị quê chị ở xã , huyện còn anh Đ quê ở xã Q, huyện Q, vào năm 2012 cả hai đi làm thuê quen nhau sau thời gian tìm hiểu chúng tôi xác định lấy nhau thành vợ chồng đến ngày 25/01/2013 được UBND xã D đăng kết hôn theo quy định. Khi lấy nhau được hai gia đình đồng ý và có ăn hỏi, không tổ chức đám cưới, cuộc sống ban đầu hạnh phúc, có hai con chung, lúc đầu vợ chồng ở nhà chị một thời gian sau đó chuyển về thôn L, xã Q, huyện Q quê anh Đồng sinh sống, được bố mẹ chồng cho đất làm nhà, đất ruộng nương để sinh sống. Anh Đ thường

xuyên đi làm thuê xa nhà, ban đầu có trách nhiệm với con, tuy nhiên từ năm 2019 đến nay anh không còn quan tâm đến vợ con, không gửi tiền cho chị nuôi con, anh đã chung sống với người phụ nữ khác, khoảng 5 năm nay anh không về nhà, một mình chị tự nuôi con ăn học. Do vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không còn trách nhiệm với nhau, mâu thuẫn đã kéo dài nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Triệu Văn n, sinh ngày 04/3/2013; Triệu Thị Kim N#, sinh ngày 14/3/2016. Khi ly hôn chị đề nghị trực tiếp nuôi 02 con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết công khai tại nơi cư trú các văn bản tố tụng, anh Đ đều biết nhưng không đến Toà án trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Các tài liệu thu thập xác định được anh đều biết yêu cầu của chị Q đề nghị ly hôn và cũng thừa nhận vợ chồng lấy nhau có đăng ký kết hôn và đã có hai con chung, tuy nhiên quá trình chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại anh nhất trí ly hôn và cũng nhất trí chị Q trực tiếp nuôi hai con chung, anh không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung không đề nghị.

Tại phiên tòa chị Q giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa đề nghị chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phàn Thị Q được ly hôn với anh Triệu Quý Đ, cần giao hai con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: nguyên đơn không đề nghị nên không xem xét.

Về án phí: Chị Quây phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là anh Triệu Quý Đ có nơi cư trú tại thôn L, xã Q, tỉnh Tuyên Quang, Theo qui định của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của anh Triệu Quý Đ lần 2 không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phàn Thị Q và anh Triệu Quý Đ tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2013 ngày 25/01/2013. Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống anh Đ và chị Q không hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài, sau đó đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Xét thấy anh Đ và chị Q đã không còn tình cảm, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Các tài liệu chứng cứ xác định hai con chung đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học, chị đang có chỗ ở, có thu nhập ổn định. Anh Đ nhiều năm không quan tâm đến con chung, hiện tại hai con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cho chị Quây tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Triệu Văn N, sinh ngày 04/3/2013; Triệu Thị Kim N, sinh ngày 14/3/2016 đến khi trưởng thành là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy đinh của pháp luật. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phàn Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1 Về hôn nhân: Cho chị **Phàn Thị Q** được ly hôn với anh **Triệu Quý Đ**.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Phàn Thị Q là người trực tiếp nuôi hai con chung là: Triệu Văn N, giới tính: Nam, sinh ngày 04/3/2013; Triệu Thị Kim N, giới tính: Nữ, sinh ngày 14/3/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm non con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phàn Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28 tháng 01 năm 2026.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phàn Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Triệu Quý Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV , Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Danh Nhân